

Số: 03/2019/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT PHIÊN HỌP LẦN THỨ XVI - NHIỆM KỲ III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM
QUỐC GIA VIỆT NAM**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh Bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 28GP/KDBH ngày 15/11/2004 và Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC4/KDBH ngày 12/8/2014 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam;
- Căn cứ các báo cáo và tờ trình của Ban Giám đốc, kết quả thảo luận và biểu quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 16, nhiệm kỳ III ngày 21/3/2019;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty Deloitte Việt Nam và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1.1. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng năm 2018: Một số chỉ tiêu chính

- Tổng tài sản: 6.456.010.767.070 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.812.197.654.904 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nhượng TBH: 1.661.557.380.832 VND
 - Dự phòng Nhận TBH: 2.733.572.296.928 VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018 VND	KH 2018 VND	Thực hiện 2017 VND	So sánh 2018/KH	So sánh 2018/17
1. Doanh thu phí nhận TBH	1.802.718.232.456	1.770.000.000.000	1.651.205.993.827		
- Doanh thu phí nhận TBH không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	1.802.718.232.456	1.770.000.000.000	1.651.471.980.448	101,85%	109,16%
- Doanh thu phí nhận TBH từ hoạt động thí điểm BHNN	0	0	(265.986.621)		
2. Phí giữ lại	784.786.428.263	677.000.000.000	586.786.416.338		
- Phí giữ lại không bao gồm hoạt động thí điểm BHNN	784.741.146.563	677.000.000.000	586.893.214.249	115,91%	133,71%

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018 VND	KH 2018 VND	Thực hiện 2017 VND	So sánh 2018/KH	So sánh 2018/17
- Phí giữ lại từ hoạt động thí điểm BHNN	45.281.700	0	(106.797.911)		
3. Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác	260.249.437.033	254.000.000.000	233.042.254.147		
<i>Trong đó: Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá (CLTG) không được phân phối</i>	5.377.691.054		(1.559.226.438)		
Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác không bao gồm CLTG	254.871.745.979	254.000.000.000	234.601.480.585	100,34%	108,64%
4. Lợi nhuận trước thuế	315.679.806.761	308.000.000.000	285.289.787.631		
<i>Trong đó: Lợi nhuận từ CLTG không được phân phối</i>	5.377.691.054		(1.559.226.438)		
Lợi nhuận trước thuế không bao gồm lợi nhuận từ CLTG không được phân phối	310.302.115.707	308.000.000.000	286.849.014.069	100,75%	108,18%
5. Tổng thu - Tổng chi không lương	360.045.589.372	358.000.000.000	337.914.066.184	100,57%	106,55%

Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao.

1.2. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng tài sản: 6.673.926.262.455 VND
- Vốn chủ sở hữu: 2.986.419.487.636 VND
- Dự phòng nghiệp vụ:
 - Dự phòng Nhượng TBH: 1.661.557.380.832 VND*
 - Dự phòng Nhận TBH: 2.733.572.296.928 VND*

Điều 2: Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, nội dung chủ yếu như sau:

2.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận đến ngày 31.12.2018:

Chỉ tiêu lợi nhuận	31/12/2018 (VND)
Lợi nhuận còn lại tại ngày 1/1/2018	355.012.422.918
- Lợi nhuận được phân phối	283.946.553.382
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	71.065.869.536

Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2018	261.454.081.113
- Lợi nhuận được phân phối	256.076.390.059
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	5.377.691.054
Lợi nhuận sau thuế lũy kế 31/12/2018	616.466.504.031
- Lợi nhuận được phân phối	540.022.943.441
- Lợi nhuận không được phân phối (<i>chênh lệch tỷ giá</i>)	76.443.560.590

2.2 Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế 2018 trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn:

Phân phối lợi nhuận sau thuế 2018	(VND)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc (5% Lợi nhuận sau thuế hàng năm cho đến khi quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% Vốn điều lệ)	4.877.597.594
Trích lập Quỹ phát triển kinh doanh (2% Lợi nhuận sau thuế)	5.121.527.801
Quỹ khen thưởng (1,5% Lợi nhuận sau thuế)	3.841.145.851
Quỹ Phúc lợi Tổng Công ty (01 tháng lương thực hiện)	4.026.599.888
Chi trả cổ tức năm 2018 (tỷ lệ 12%)	157.291.124.400
Giảm lợi nhuận sau thuế phần tài sản thuế TNDN hoãn lại	421.202.827
Lợi nhuận còn lại	440.887.305.670
- Lợi nhuận được phân phối	364.443.745.080

- ❖ Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế liên quan đến việc trích lập các quỹ đã được ĐHĐCĐ chấp thuận tại Nghị quyết số 07/NQ-ĐHĐCĐ/2006 và sửa đổi một số điểm theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ/2008.
- ❖ Tỷ lệ cổ tức năm 2018 dự kiến 12% và đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-ĐHĐCĐ. Tỷ lệ cổ tức 2018 trình ĐHĐCĐ thông qua là 12%.

Điều 3: Phê duyệt thù lao (bao gồm cả thuế) của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổ thư ký Hội đồng quản trị năm 2018: **2.490.000.000 VND** (được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ).

Điều 4: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2019 bao gồm các chỉ tiêu chính như sau:

4.1 Kế hoạch kinh doanh chung:

Chỉ tiêu	Đơn vị Tr. VND		
	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	1.967.000	1.802.718	9,1%
Phí giữ lại	944.600	784.741	20,4%

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2018	Tăng trưởng
Lợi nhuận trước thuế	326.000	315.680	
- Chênh lệch tỷ giá (CLTG)	<i>(chưa xác định)</i>	5.378	
- Lợi nhuận không bao gồm CLTG	326.000	310.302	5,1%
Tổng thu – Tổng chi không lương	377.000	360.046	4,7%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	12%	12%	

4.2 Kế hoạch phân bổ tài sản đầu tư:

- Phê chuẩn kế hoạch phân bổ tài sản đầu tư năm 2019:

STT	Danh mục đầu tư	2019	2018	Tăng/ giảm trong năm	Tỷ trọng (31/12/2018)
1	Tiền gửi ngân hàng	2.570.000	2.463.000	+107.000	64,8%
2	Trái phiếu	370.000	220.000	+ 150.000	9,3%
3	Góp vốn cổ phần	618.849	647.366	- 28.517	15,6%
4	Chứng khoán, chứng chỉ quỹ và ủy thác đầu tư	285.000	285.000	0	7,2%
5	Văn phòng cho thuê	9.600	10.664	- 1.064	0,3%
6	Bất động sản	47.000	13.304	+ 33.696	1,2%
7	Tiền tài khoản thanh toán	64.551	42.229	+ 22.322	1,6%
	Tổng cộng	3.965.000	3.681.563	+ 283.437	100,0%

- Giao Tổng Giám đốc chủ động tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư theo dự kiến phân bổ tài sản nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu cần thiết có sự thay đổi về phân bổ tài sản đầu tư so với dự kiến, Tổng Giám đốc chủ động giải quyết theo thẩm quyền và báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề trên phân cấp, trên cơ sở chấp hành các qui định của pháp luật và các qui định của Tổng Công ty liên quan đến lĩnh vực này.

Điều 5: Phê chuẩn các giao dịch với bên có liên quan 2018 (báo cáo đính kèm).

Điều 6: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT 2018 (báo cáo đính kèm).

Điều 7: Phê chuẩn kết quả thoái vốn đầu tư tại Công ty Bảo hiểm Phú Hưng năm 2018 theo báo cáo của Tổng giám đốc.

Điều 8:

- 8.1 Phê chuẩn báo cáo kết quả thoái vốn đầu tư tại Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex năm 2018.
- 8.2 Giao Tổng giám đốc tiếp tục chủ động thực hiện kế hoạch thoái toàn bộ cổ phiếu PGI đang nắm giữ, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và tối đa hóa lợi ích của VINARE.
- 8.3 Phương thức thoái vốn:
 - Chủ động giao dịch khớp lệnh/thỏa thuận trên sàn giao dịch chứng khoán, đảm bảo tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - Nghiên cứu phương án thoái vốn theo hình thức đấu giá công khai, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và báo cáo HĐQT quyết định;
 - Nguyên tắc xác định giá bán: trên cơ sở giá thị trường tại thời điểm thoái vốn nhưng không thấp hơn giá trị sổ sách tại báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của doanh nghiệp và không thấp hơn mệnh giá gốc (10.000 đ/cổ phiếu);
 - Tổng giám đốc báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp HĐQT gần nhất.

Điều 9: Thông qua việc bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc:

- 9.1 Bổ nhiệm lại ông Phạm Công Tứ giữ chức vụ Tổng Giám đốc VINARE, thời hạn 05 năm tính từ ngày 07/05/2019;
- 9.2 Ông Phạm Công Tứ được hưởng lương và các lợi ích khác theo quy định của VINARE.

Điều 10: Thông qua việc bổ nhiệm lại chức danh Phó Tổng Giám đốc:

- 10.1 Bổ nhiệm lại ông Mai Xuân Dũng chức vụ Phó Tổng giám đốc VINARE, thời hạn 03 năm tính từ ngày 01/4/2019;
- 10.2 Ông Mai Xuân Dũng được hưởng lương và các lợi ích khác theo quy định của VINARE.

Điều 11: Thông qua việc bổ nhiệm lại chức danh Kế toán trưởng:

- 11.1 Bổ nhiệm lại bà Lưu Thị Việt Hoa chức vụ Kế toán trưởng VINARE, thời hạn 04 năm tính từ ngày 22/4/2019;
- 11.2 Bà Lưu Thị Việt Hoa được hưởng lương và các lợi ích khác theo quy định của VINARE.

Điều 12: Thông qua và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT và BKS đối với các thành viên HĐQT và BKS đã có đơn từ nhiệm trong năm 2018:

- Ông Martyn Parker – thành viên HĐQT
- Ông Beat Schnegg – thành viên HĐQT
- Ông Trần Vĩnh Đức – thành viên HĐQT
- Ông Deepak Mohan – thành viên BKS

Điều 13: Nhất trí và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi Điều 9 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của VINARE như sau: Bổ khoản 3 quy định về “Cổ phần bị hạn chế”.

Điều 14: Nhất trí và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất của Ban kiểm soát:

14.1 Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2019, bao gồm các công ty sau:

- a. Công ty TNHH KPMG Việt nam
- b. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- c. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- d. Công ty Pricewaterhouse Coopers

14.2 Ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn 01 công ty kiểm toán độc lập trong danh sách đã phê duyệt để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

Điều 15: Hội đồng quản trị ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị phê chuẩn các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

Điều 16: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng công ty và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT
- HĐQT, BKS, BGD
- Lưu: Thư ký HĐQT, TH, ĐT

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Song Lai